

SƠ LƯỢC TÍN NGƯỠNG THIÊN THỦ QUÁN ÂM



Theo các học giả cận đại thì tín ngưỡng Thiên Thủ Quán Âm được hình thành từ truyền thuyết huyền thoại của Ấn Độ vì dạng thần cách hóa của Thiên Thủ Quán Âm tương đương với các vị thần như: Thần Đế Thích (Indra), Thần Nguyên Nhân (Purusa), Thần Thấp Bà (Siva), Thần Tỳ Lữu (Vishnu)... bởi lẽ các vị thần đều có 1000 mắt. Tương tự trong Đại giáo Vương Kinh quyển 9 có ghi nhận là : Đại Tự Tại Thiên (Mahe'svara) có 1000 tay, 1000 mắt.

Do sự pha trộn giữa tính cách của chư Thần trong Thần Thoại Ấn Độ với quan điểm mở rộng đặc tính “Từ Bi” của Phật giáo Đại Thừa nên tuy xuất phát từ Ấn Độ, tín ngưỡng “Thiên Thủ Quán Âm” vẫn không được phát triển mạnh mẽ trên đất Ấn và đợi đến khi lưu truyền qua các nước khác thì tín ngưỡng này mới được củng cố và lớn mạnh; như tại đất Tây Vực : Các học giả cận đại đã tìm thấy rất nhiều tượng vẽ, hình tượng, Man đà la của Thiên Thủ Quán Âm .

Ở Tây Tạng, do tín ngưỡng “**Quán Thế Âm**” được sùng bái thâm sâu nên tín ngưỡng “**Thiên Thủ Quán Âm**” cũng phát triển khá mạnh- theo giáo đồ Phật giáo Tây Tạng thì Thiên Thủ Quán Âm là một thân biến hóa toàn vẹn của Thánh Quán Thế Âm nhằm biểu hiện sự cứu độ rộng rãi qua sự hợp nhất của trí tuệ(1.000 mắt) với phương tiện Thiên Xảo của tâm Từ Bi (1.000 tay).

Ở Trung Hoa , tín ngưỡng Thiên Thủ Quán Âm được khởi đầu từ đời Đường - Trong niên hiệu Vũ Đức (618-626) Có một vị tăng của nước Trung Thiên Trúc, tên là Cù Đa Đề Bà Tê (?) đem kinh bản “Thiên Nhân Thiên Tý Quán Thế Âm Bồ Tát đà la ni thần chú kinh” cùng với hình tượng, Khế Đàn, Thủ ấn của Thiên Thủ Quán Âm đến Trung Hoa. Trong niên hiệu Trinh Quán (627-649) lại có vị cao tăng của Bắc Thiên Trúc đem bản Phạn văn của Kinh Thiên Tý Thiên Nhân đà la ni đến phụng tiến cho vua Đường .

Dựa vào các tài liệu này thì tín ngưỡng Thiên Thủ Quán Âm đã dần dần được hình thành trên đất Trung Hoa vào thế kỷ thứ 7 và tỏa rộng ra các nước vùng cận đông. Cho đến nay thì hình ảnh của Thiên Thủ Quán Âm đã được các tín đồ Phật giáo ở Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản, Đại Hàn ...phụng thờ rất thâm trọng. Hầu hết mọi người đều thuộc lòng bài “**Thiên Thủ Thiên Nhân quang đại viên mãn vô ngại Đại bi tâm đà la ni**” Gọi tắt là chú Đại Bi và thường trì tụng trong nghi thức phổ truyền .



CÁC KINH BẢN THIÊN THỦ QUÁN THẾ ÂM



Theo Phật Quang Từ Điển thì kinh điển về Thiên Thủ Quán Âm có 4 bản là

1.- Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh.

Kinh này chỉ có một quyển do ngài Già Phạm Đạt Ma (Bhagavad Dharma-Tôn Pháp) dịch trong thời Đường (Niên hiệu Khai Nguyên) Lược xưng là Thiên Thủ Quán Âm Đại Bi Tâm Kinh, Thiên thủ đà la ni kinh, Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Âm Đại Bi Tâm Kinh Đại Tổng Trì Kinh, Thiên Thủ Kinh.

Nội dung của Kinh này diễn nói về nguyên nhân phát nguyện, các công đức sinh 15 điều thiện và miễn trừ 15 điều ác, các pháp chú trở, công đức của 42 tay và 2 bài chú ủng hộ của Nhật Quang Bồ Tát với Nguyệt Quang Bồ Tát .

2.- Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Bi Tâm Đà La Ni.

Kinh này có một quyển do ngài Bất Không (Amogha-Vajra) dịch dưới thời Đường. Lược xưng là Thiên Thủ Quán Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni, Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh.

Nội dung của kinh này là tinh hoa của Thiên Thủ Kinh, từ lúc phát nguyện trở xuống là đà la ni, mỗi mỗi công đức của 42 tay, ngoài ra có thêm phần đồ hình của 42 tay kèm chân ngôn.

Kinh này chỉ là bản dịch khác của Thiên Thủ Kinh .

3.- Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Âm Bồ Tát Mẫu Đà La Ni Thân Kinh.

Kinh này có 2 quyển do ngài Bồ Đề Lưu Chí (Bodhi Ruci) dịch dưới thời Đường . Lược xưng là :Thiên Thủ Quán Âm Mẫu Đà La Ni Thân Kinh.

Nội dung của kinh này diễn nói về Mẫu Đà La Ni với công đức. Sau đó là 12 Ấn Minh về Thân tổng nhiếp, đà la ni tổng trì, tam muội của chư Phật , tiếp theo là Thiên Thủ Quán Âm họa đàn pháp với pháp chú trở. Sau cùng là 30 ấn minh về sự biện tài, thành Đẳng Chính Giác

4.- Thiên nhân Thiên tỳ Quán Thế Âm Bồ Tát Đà La Ni Thân Chú Kinh .

Kinh này có 2 quyển do ngài Trí Thông dịch dưới thời Đường. Lược xưng là: Thiên nhân Quán Thế Âm Đà La Ni Thân Chú Kinh .

Nội dung kinh này nói về pháp chú ấn với đàn pháp của Thiên Thủ Quán Âm . Đây chỉ là một bản dịch khác với bản dịch của ngài Bồ Đề Lưu Chí .

Hai bản dịch của kinh này đều ghi 25 loại ấn, chú pháp giống nhau trên đại cương nhưng khác nhau về chi tiết nhất là Đại Thân chú với Man trà la đàn pháp thì có sai khác.

Hai bản dịch này đều dựa theo bản Phạn do vị tăng Ấn Độ phụng tiến cho vua Đường (niên hiệu Trinh Quán)

*) Ngoài ra, trong Mật Tạng Bộ III có ghi nhận một số Kinh Điển liên quan đến Thiên Thủ Quán Âm là :

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh** do ngài Tam Muội Tô Phộc La dịch.

Nội dung kinh này nói về 25 vị bồ tát sở hiện của đại bi, nhập vào 25 tam muội, đoạn phá 25 hữu. Một hữu được phối trí với 40 mắt nên 25 hữu được phối hợp với ngàn mắt ngàn tay. Sau đó nhấn mạnh vào 40 vị hóa bồ tát là thân sở hóa của Thí Vô Úy Quán Tự Tại bồ tát ở cõi Nam Thiệm Bộ Châu. 40 vị hóa bồ tát này biểu thị cho 40 pháp tu tập theo 40 tay cầm 40 báu vật nhằm thỏa mãn mọi nguyện cầu của chúng sinh ở cõi Nam Thiệm Bộ Châu. Chân ngôn của 40 pháp này hoàn toàn khác biệt với chân ngôn của 40 tay ghi trong kinh Thiên Thủ Quán Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni- Xong, cách thức tu tập cũng tương đồng với nhau

_ **Kim Cương Đỉnh Du Già Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Tu Hành Nghi Quỹ Kinh** ,do ngài Bất Không dịch

Nội dung kinh này nói về pháp tu hành bí mật thuộc thân, khẩu, ý kim cương của Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát trong Liên Hoa Bộ, gồm có quy tắc, ấn chân ngôn. Riêng bài chú Đại bi căn bản thì dùng bài “ Thế Tôn Thánh Giả Thiên Nhãn, Thiên túc, Thiên Thiệt Thiên Tý Quán Tự Tại Bồ Đề Tát Đỏa Đất Phộc Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni”

_ **Đại Từ, Đại Bi Cứu Khổ Quán Thế Âm Tự Tại Vương Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Tự Tại Thanh Cảnh Đại Bi Tâm Đà La Ni**, do ngài Đại Quảng Trí Bất Không dịch

Nội dung bản chú này là một dị bản tinh yếu của Thiên Thủ Thiên Nhãn Kinh. Có điều bài chú ghi bằng Phạn văn và phiên âm theo Hoa văn chỉ có 75 câu và kèm theo tay ấn “Thanh Cảnh Đại bi tâm ấn” và lời xưng tán danh hiệu của chân ngôn

_ **“Nhiếp Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh Kế Nhất Pháp Trung Xuất Vô Lượng Nghĩa Nam Phương Mãn Nguyện Bồ Đà Lạc Hải Hội Ngũ Bộ Chư Tôn Đẳng Hoàng Thệ Lực Phương Vị Cập Uy Nghi Hình Sắc Cháp Trì Tam Ma Gia Tiêu Xí Man Trà La Nghi Quỹ”** , do Ngài Đại Quảng Trí Bất Không Phụng Chiếu dịch.

Nội dung của kinh này minh họa về hình tượng, màu sắc, vật cầm tay và phương vị của các Tôn trong 5 Bộ.

_ **Thiên Thủ Quán Âm Tạo Thứ Đệ Pháp Nghi Quỹ** do ngài Thiên Vô Úy dịch .

Nội dung kinh này nói về ảnh tượng, màu sắc, vật cầm tay và chân ngôn của 28 bộ là quyến thuộc của Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát .

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Tu Hành Niệm Tụng Lực Nghi** do ngài Đại Quảng Trí bất không dịch.

Nội dung kinh bản này nói về quy tắc giản lược về pháp tu hành niệm tụng “Đại Bi Tâm Đà La Ni” với phương cách quán tưởng, kết ấn niệm chân ngôn .

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni chú bản** (1 quyển) do ngài Kim Cương Trí dịch .

Bản này chỉ ghi 113 câu chú của bài Đại Bi chú.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Trị Bệnh Hợp Dược Kinh** do ngài Già Phạm Đạt Ma dịch

Bản này minh họa các loại thuốc và dùng chú Đại Bi gia trì để trị các thứ bệnh tật.
Đây là một phần nhỏ thuộc dị bản của kinh Thiên Thủ.

Ý NGHĨA TÔN TƯỢNG THIÊN THỦ QUÁN ÂM

I) DANH HIỆU:

Thiên Thủ Quán Âm nếu xưng danh đầy đủ là: Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại (Avalokite'svara sahasra bhùja locana) Hoặc xưng là: Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm, Thiên Thủ Thiên Tý Quán Thế Âm, Thiên Thủ Thánh Quán Âm (Sahasra bhùja arya avalokite'svara), Thiên Tý Quán Âm, Thiên Thủ Thiên Quang Nhân Đại Liên Hoa Vương Quán Tự Tại (Sahasra bhùjaya sahasra jvala netre mahà padma ràja avalokite'svara), Thiên Nhân Thiên Thủ Thiên Túc Thiên Thiệt Thiên Tý Quán Tự Tại.

Theo Thiên Quang Nhân kinh, Thiên Thủ kinh, Mẫu Đà la Ni kinh, thì Thiên Thủ Quán Âm Bồ Tát là Thân Thần Biến của Thánh Quán Thế Âm (Arya Avalokite'svara).

Theo Nghĩa Tịnh Thích kinh thì Thiên Thủ Quán Thế Âm là Thân Sở Hóa của Đại Nhật Như Lai (Vairocana Tathàgatàya)

Theo Thiên Thủ Thiên Nhân kinh thì Thiên Thủ Quán Âm là hậu thân của Chính Pháp Minh Như Lai (Saddharma Vidya Tathàgatàya)

Nhìn chung, do đại nguyện Từ Bi cứu nạn bạt khổ cho tất cả chúng sinh trong thế giới mà thân Thiên Thủ Quán Âm được hiển hiện. Đây chính là pháp môn công đức từ bi đồng thể của chư Phật ba đời mà Thiên Thủ Quán Âm dùng 1000 làm số, trong đó :

- Thiên Nhân biểu thị cho 1.000 vị Phật đời quá khứ.
- Thiên Thủ biểu thị cho 1.000 vị Phật đời hiện tại.
- Thiên túc biểu thị cho 1.000 vị Phật đời vị lai

(Túc là 10 hiệu của Như Lai)

II) TÔN TƯỢNG:

Nghi quỹ tạo pháp thứ tự của Thiên Thủ Quán Âm và Nhiếp Vô Ngại Đà La Ni ghi nhận là: Ngài có 500 mặt, 1000 cánh tay.

Huệ Thập A Đô Lê sơ cho rằng ngài có 30 mặt (hay 5 mặt) và 1.000 cánh tay.

Thiên Thủ Thiên Tý Mẫu Đà La Ni kinh ghi rằng: Ngài có 1 mặt 1.000 cánh tay.

Thiên Quang Nhân kinh ghi nhận ngài có 11 mặt, 1.000 cánh tay, trong đó có 40 tay cầm báu vật.

Thai Tạng ký, Mật giáo hiện đồ Thai tạng giới man trà la và Quán Tự Tại Bồ Tát Liên Hoa Đỉnh Du Gia Pháp ghi nhận rằng: Ngài có 27 mặt, 1000 cánh tay trong đó 40 tay (hoặc 42 tay) cầm khí tượng.

Theo nghĩa thứ thì Quán Tự Tại bồ tát hay Chính Quán Âm là Tổng Thể của các Quán Âm, biểu thị cho nhân vị của Liên Hoa Bộ nên có mật hiệu là Chính Pháp Kim Cương (Saddharma Vajra) chủng tử là SA (), Tam ma gia là hình hoa sen chưa nở. Còn Chính Pháp Minh Như Lai tức Thiên Thủ Quán Âm là thân sở hóa biểu thị cho Quả Thể của Liên Hoa Bộ nên có Mật Hiệu là Đại Bi Kim Cương (Mahà Karuṇi Vajra) chủng tử là HRÌH () Tam ma gia là hình hoa sen nở.

Bí tạng ký ghi rằng: “ Tâm phàm phu như hoa sen khép kín, tâm thánh nhân là hoa sen nở rộ”

Vì thế, Chính Quán Âm biểu thị cho nhân vị “ Vô Nhiễm Cấu” vốn có trong tâm của mỗi một chúng sinh, còn Thiên Thủ Quán Âm là phương tiện thiện xảo làm nở rộ quả thể “Vô nhiễm cấu” ấy. Cho nên Thiên Thủ Quán Âm biểu thị cho quả đức của 11 địa cho Phật quả. Do vậy, trong các tôn thuộc Liên Hoa Bộ thì Thiên Thủ Quán Âm là Tôn tối thắng và được xưng là Liên Hoa Vương.(Padma rāja).

Dựa vào ý nghĩa này thì tôn tượng 50 đầu mặt ,1.000 cánh tay biểu thị cho phước trí viên mãn của Phật Quả trong đó 50 đầu mặt (1 đầu mặt có 2 mắt nên hợp thành 1.000 mắt) biểu thị cho trí đức viên mãn và 1.000 cánh tay biểu thị cho phước đức viên mãn.

Tôn tượng 30 mặt biểu thị cho 30 độ của Phật quả nghĩa là trong 10 ba la mật (bố thí, trì giới, nhẫn nhục tinh tiến, thiền định, tuệ, phương tiện, nguyện, lực, trí) mỗi ba la mật được tu tập theo 3 bậc là bờ bên kia, bờ trên, bờ cao thượng. Nên hợp thành 30 độ .Còn 1.000 tay biểu thị cho diệu dụng của tâm Đại Bi nhằm đui dắt chỉ dẫn cho chúng sinh tiến dần trên con đường tu tập chính pháp giải thoát.

Tôn tượng 11 mặt biểu thị cho 11 quả đức của Phật đạo gồm: Hoan Hỷ Địa, Ly Cấu Địa, Phát Quang Địa, Diệu Tuệ Địa, Nan Thắng Địa, Hiện Tiền Địa, Viển Hành Địa, Bất Động Địa, Thiện Tuệ Địa, Pháp Vân Địa, Phật Địa.

Tôn tượng 27 mặt biểu thị cho chi tiết tu tập 11 địa quả của Phật đạo với 26 mặt biểu thị cho 10 độ và mặt Phật thứ 27 là mặt Chính Pháp minh Như Lai (hay A Di Đà Như Lai) biểu thị cho Phật quả .

*- Ý nghĩa 10 độ mở rộng thành 26 mặt là:

6 độ đầu mỗi độ có 3 pháp tu tập nên lập thành 18 mặt, 4 độ sau mỗi độ có 2 pháp tu tập nên lập thành 8 mặt.

1) **Bố Thí Ba La Mật** (Dāna pāramitā) có 3 pháp thí phước nhằm trừ tâm keo kiệt ích kỷ là:

a) Tư Sinh Thí (hay tài thí) : Giúp đỡ tiền bạc của cải cho người nghèo khó (giúp ích về vật chất)

b) Vô Úy Thí: Dùng mọi phương tiện giúp cho người khác tránh được sự sợ hãi buồn lo (giúp ích về tinh thần)

c) Pháp Thí: Đem chính pháp giảng giải khiến cho người nghe dựa vào đó dứt trừ phiền não, tinh tiến tu phước tuệ.(giúp về phần thiện căn)

Khi viên mãn được bố thí ba la mật thì đời đời được đầy đủ duyên lành giàu có, tâm được tự tại, mau tăng thọ mệnh.

2) **Trì Giới Ba La Mật** (Śīla pāramitā) có 3 pháp nghiêm trì nhằm diệt trừ hạt giống phá giới là :

a) Nhiếp luật nghi giới: Giữ gìn luật lệ, nghi thức do Đức Phật chế ra.(nhằm trừ điều ác)

b) Nhiếp thiện pháp giới: Làm phát sinh các điều lành (tăng trưởng căn lành)

c) Nhiêu ích hữu tình giới : Khiến cho chúng sinh được lợi ích an lạc (có tính cách lợi sinh)

Khi viên mãn được trì giới ba la mật thì thường dùng giới phẩm để trang nghiêm thân, khẩu, ý. Tất cả sự vi phạm vào 4 giới cấm, 8 loại Bạc Sô, hay Bạc Sô Ni, hóa thăng tội ... thấy đều thanh tịnh. Ngày sau tùy nguyện được sinh vào cõi phật tịnh diệu

3) **Nhẫn Nhục Ba La Mật** (Ksanti pàramità): Có 3 pháp công đức nhẫn nhằm diệt trừ nghiệp chủng sân nộ là:

a) Nại oán hại nhẫn (hay sinh nhẫn) Tuy bị người thù ghét, hãm hại cũng không oán hờn mà thường thương xót cứu độ kẻ ấy.

b) An thọ khổ nhẫn (hay pháp nhẫn) dù gặp các sự khổ như nóng lạnh, đói khát, bệnh tật, nguy nan... vẫn cố gắng tu hành không có tâm thoái chuyển.

c) Đế Sát Pháp Nhẫn (hay Vô sinh pháp nhẫn) : Dùng trí tuệ quán sát tu hành, chứng được chân lý hay pháp tính.

Khi viên mãn được Nhẫn nhục ba la mật thì diện mạo trang nghiêm khiến người ưa nhìn, chẳng muốn ghét hại, đều muốn gần gũi. Lúc đó, hành giả có thắng giải rất thâm sâu, tùy niệm biến hóa.

4) **Tinh Tiến Ba La Mật** (Vīrya pàramità) có 3 pháp tinh tiến nhằm diệt trừ nghiệp chủng lười biếng chậm chạp là.

a) Bị Giáp Tinh Tiến: Sốt sắng tu hành không ngại gian lao trở ngại như mặc áo giáp xông pha nơi chiến địa với thế lực hùng mạnh.

b) Nhiếp Thiện Pháp Tinh Tiến : Siêng năng tu tập các công đức làm cho pháp lành ngày càng tăng trưởng.

c) Lợi lạc hữu tình tinh tiến : Dù thấy chúng sanh nhiều phiền não nhưng vẫn không sinh tâm chán nản lui sụt, cố gắng dùng phương pháp điều nhiếp hóa độ khiến cho loài hữu tình được lợi ích an lạc.

Khi viên mãn được tinh tiến ba la mật thì thân tâm an vui, xa lìa các bệnh tật ,không có khổ não, hoàn thành được mọi nguyện về phước trí của thế gian và xuất thế gian

5) **Thiền Định Ba La Mật** (Dhyàna pàramita) Có 3 pháp tĩnh lự nhằm diệt trừ chủng phóng túng loạn động là :

a) An Trú Tĩnh Lự : Tâm hằng ở yên trong cảnh sáng suốt lặng lẽ trống không của pháp lạc.

b) Dẫn Phát Tĩnh Lự : Sức thiền định có thể dẫn sinh 6 pháp thần thông .

c) Biện Sự Tĩnh Lự : Không dời thiền định mà có thể làm các việc lợi sinh, hoặc dùng sức thiền định hóa hiện để cứu độ chúng sinh trong cảnh phiền não, bệnh tật, đói khát .

Khi viên mãn được thiền định ba la mật thì thân tâm lạnh lợi, thần thông sở tu mau được thành tựu, các ma chẳng thể xâm nhiễm, tiêu diệt được tất nghiệp chướng

6) **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajnā Pàramiya) Có 3 pháp tuệ nhằm trừ diệt nghiệp chủng si mê này :

a) Nhân Không Vô Phân Biệt Tuệ : Có tính cách đoạn tuyệt tâm chấp ngã.

b) Pháp Không Vô Phân Biệt Tuệ : Cảnh giới niệm chấp pháp đã tiêu trừ .

c) Câu Không Vô Phân Biệt Tuệ : Dứt hẳn cảnh giới tâm niệm chấp ngã và chấp pháp .

Khi viên mãn được Bát nhã Ba La Mật thì được thông minh trí tuệ , giải ngộ được các pháp thế gian và xuất thế gian, truyền đạt được nghĩa thâm sâu của 5 minh

7) **Phương Tiệm Ba La Mật** (Upàya pàramità) Có 2 pháp phương tiệm thiện xảo nhằm dứt trừ nghiệp chướng của phương tiệm không khéo léo là:

a) Hồi Hưởng Phương Tiệm Thiện Xảo : Đem các căn lành xoay về cầu chứng Đạo Vô Thượng Bồ Đề. Môn phương tiệm này thuộc về Bát Nhã .

b) Bạt Tế Hữu Tình Phương Tiệm Thiện Xảo : Dùng các phương pháp khéo léo, hoặc thuận hoặc nghịch để cứu vớt loài hữu tình trong vòng mê khổ. Môn phương tiệm này thuộc về Đại Bi .

Khi viên mãn được Phương Tiệm Ba La Mật thì hành giả tương ứng tu trì 6 Ba la mật của thế gian chỉ dùng ít công sức là gặt được phước đức rộng lớn, mọi việc làm đều được thành tựu và đạt đến cứu cánh, thành tư lương của bồ đề vô thượng .

8) **Nguyện Ba La Mật** (Pranidhàna pàramità) Có 2 pháp thắng nguyện nhằm trừ diệt nghiệp chướng các ác nguyện là :

a) Cầu Vô Thượng Bồ Đề Nguyện : Cầu nguyện đạt thành Phật quả

b) Lợi Lạc Hữu Tình Nguyện : Cầu nguyện luôn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh

Khi viên mãn được nguyện ba la mật thì trong khoảng thời gian từ sơ phát tâm đến lúc thành phật, mọi thượng nguyện thù thắng của Thế Gian và Xuất Thế Gian đều được viên mãn .

9) **Lực Ba La Mật** (Bala pàramità) Có 2 loại lực, nhằm trừ diệt nghiệp chướng của ý kém cỏi trong thế gian và xuất thế gian là .

a) Tư Trạch Lực: Dùng sức trí tuệ suy nghĩ lựa chọn phương pháp tu .

b) Tu Tập Lực : Đem hết khả năng thực hành những điều mình suy nghĩ lựa chọn trên đường đạo

Khi viên mãn được lực ba la mật thì thành tựu các pháp đối trị, hàng phục được các loại phiền não và chướng hoặc, tu đạo thì quyết định thắng phục được nghiệp ác của thiên ma và đắc được sự chảnh thoát chuyển nơi quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác

10) **Trí Ba La Mật** : (Jñàna pàramità) Có 2 loại thọ dụng trí nhằm trừ diệt hạt giống của câu sinh ngã chấp và câu sinh ngã chấp pháp chấp là :

a) Thọ Dụng Pháp Lạc Trí : Trí nhận xét sự lợi ích của phật pháp, sinh tâm quyết định không rời bỏ và dùng trí này thành lập 6 độ, muôn hạnh để đem lại sự an vui về đạo pháp cho mình.

b) Thành Tựu Hữu Tình Trí: Trí dùng 6 độ, muôn hạnh làm lợi ích thành tựu cho tất cả chúng sinh Khi viên mãn được trí ba la mật thì dứt trừ được 2 chướng là Phiền não chướng và sở tri chướng, chứng đắc tất cả pháp như huyễn, như quán năng, như mộng, như ảnh tượng, như tiếng vang, như ánh sáng, như trăng trong nước, như biến hóa, như thành Càn Thát Bà, như hư không. Chẳng bao lâu đầy đủ 10 địa, trụ Pháp Vân Địa làm đại pháp sư.

*- Hoặc có thuyết cho rằng, 27 biểu thị cho 10 giới, trong đó :

25 mặt biểu thị cho 25 Hữu là 6 nẻo luân hồi sinh tử, gồm có

4 nẻo ác là địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, tu la.

4 châu là : Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Cu Lôu Châu.

6 trời Dục giới là: Tứ Thiên Vương, Đạo Lợi Thiên, Diêm Ma Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên

4 trời sắc giới là: Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên .

3 trời : Vô Tưởng Thiên, Tĩnh Cư Thiên, A Na Hàm Thiên.

4 trời vô sắc giới : Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ .

Mặt thứ 26 biểu thị cho Quả Nhị Thừa .

Bồ tát đương tôn không có mặt riêng.

Mặt thứ 27 là mặt phật ở trên đỉnh đầu biểu thị cho pháp giới .

Như vậy, 27 mặt biểu thị cho chín giới hiển phật giới . Tức là 10 giới thể.

Tóm lại, Tôn tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát là biểu tượng minh họa cho quả đức của phật pháp đồng thời biểu thị cho bản nguyện từ bi cố hữu của bồ tát đạo. Nói cách khác, tôn tượng này là biểu tượng nhằm kết tinh và hướng dẫn kẻ tu hành biết “Nương quả gieo nhân” dập tắt tham ái, sân hận, chấp thủ để mau chóng vượt khổ đau là sinh tử vậy .

